

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2021/KDTM-ST

Ngày: 28/5/2021.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
gia công”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

** Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hồng Ngọc.

2. Ông Võ Văn Phi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Hải – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

- Nữ iểm sát viên kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2020/TLST-KDTM, ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng gia công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-KDTM ngày 08/02/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-DS ngày 04/3/2021; Thông báo tiếp tục mở phiên tòa sơ thẩm số 52/2021/TB-KDTM ngày 10/5/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Kết cấu Thép C.

Địa chỉ: 328 Võ Văn Kiệt, phường C, Quận 1, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn C, sinh năm 1962 – Chức vụ: Chủ tịch Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Triệu Q, sinh năm 1961. (Văn bản ủy quyền ngày 25/12/2019, 29/3/2021).

Địa chỉ: 100/23, khu phố 1, phường Q, thành phố B, T.Đi.

- Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng Đ.

Địa chỉ: 66/16, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Phạm Văn N, sinh năm 1981 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trần Văn T, sinh năm 1978. (Văn bản uỷ quyền ngày 02/7/2020).

Địa chỉ: 343 Bùi Hữu Nghĩa, phường B, thành phố B, tỉnh Đ.

(Ông Q, ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Triệu Q trình bày:***

Ngày 17/8/2018, Công ty TNHH MTV Kết cấu thép C (sau đây gọi tắt là Công ty C) và Công ty TNHH Xây dựng Đ (gọi tắt là Công ty Đ) có ký hợp đồng số 02/2018/HĐKT/CDC-DTD với nội dung: Công ty Thép C nhận gia công kết cấu thép (cột, kèo, giằng) nhà xưởng 66mx170m công trình Waps Việt Nam, theo bản vẽ thiết kế thi công bên Công ty Đ cung cấp, Giá trị hợp đồng tạm tính là 4.863.381.600 (bao gồm VAT), phương thức thanh toán theo Điều 5 của hợp đồng. Đến ngày 17/12/2018, Công ty C và Công ty Đ ký biên bản thanh lý hợp đồng số 02/2018/HĐKT/CDC-DTD, theo đó số tiền còn lại phải thanh toán là: 1.244.846.300 đồng. Sau khi hai bên ký kết hợp đồng thanh lý thì bên Công ty thép C đã hoàn tất công tác giao hàng và hồ sơ như đã thoả thuận, tuy nhiên về phía Công ty Đ vẫn còn nợ Công ty C số tiền 24.846.300 đến nay vẫn chưa trả.

Ngày 14/11/2018, Công ty Thép C và Công ty Đ ký tiếp hợp đồng số 03/2018/HĐKT/CDC-DTD, với nội dung Công ty Thép C nhận gia công kết cấu thép (cột, kèo, giằng) nhà xưởng 40mx59m) công trình Hong Sung Việt Nam, theo bản vẽ thiết kế thi công bên Công ty Đ cung cấp, Giá trị hợp đồng tạm tính là 1.129.709.900 đồng (bao gồm VAT), phương thức thanh toán theo Điều 5 của hợp đồng.

Ngày 24/01/2019, Công ty C và Công ty Đ ký biên bản thanh lý hợp đồng số 03/2019/HĐKT-CDC-DTD, với số tiền còn lại phải thanh toán là 938.816.050 đồng. Sau khi ký biên bản thanh lý Công ty thép C đã hoàn tất công tác giao hàng và hồ sơ như đã thoả thuận nhưng Công ty Đ đã không trả số tiền còn lại 938.816.050 đồng cho Công ty Đ.

Vì vậy, Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty Đ phải trả số tiền nợ còn lại và lãi suất 1,25 %/tháng của 02 hợp đồng mà hai bên ký kết.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất, yêu cầu tính lãi suất 0,75%/tháng, cụ thể:

- Hợp đồng số 02 ngày 17/8/2018 là:

+ số tiền còn nợ là: 24.846.300 đồng

+ số tiền lãi tính từ ngày 17/01/2019 đến ngày xét xử 28/5/2021 (làm tròn 28 tháng) là: $(24.846.300 \times 0,75\% \times 28 \text{ tháng}) = 5.217.723 \text{ đồng}$.

- Hợp đồng số 03 ngày 14/11/2018 là:

+ Số tiền còn nợ: 938.816.050 đồng

+ Số tiền lãi tính từ ngày 24/02/2019 đến ngày xét xử 28/5/2021 (làm tròn 27 tháng) là: $(938.816.050 \times 0,75\% \times 27 \text{ tháng}) = 190.110.250 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền còn nợ lại và lãi của 02 hợp đồng mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: $(24.846.300đ + 5.217.723đ) + (938.816.050đ + 190.110.250đ) = 1.158.990.323 \text{ đồng}$ (Một tỷ một trăm năm mươi tám triệu chín trăm chín mươi nghìn ba trăm hai ba đồng).

*** Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, ông Trần Văn T:**

Ngày 11/01/2018, Công ty Đ có ký hợp đồng kinh tế số 019/2018/HĐKT-CDC-DTD với công ty C, gia công lắp thép cho dự án Waps Việt Nam tại Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, giá trị hợp đồng là 5.150.000.000 đồng, đã bao gồm VAT. Ngày 17/4/2018, trong lúc thi công do trời mưa lớn đã xảy ra sự cố tai nạn làm sập toàn bộ nhà xưởng. Tuy nhiên, chi phí phát sinh từ hợp đồng này đã được Công ty Đ thanh toán xong và hai bên đã thanh lý hợp đồng.

Để khắc phục sự cố trên, ngày 17/8/2018 Công ty Đ đã ký lại với Công ty C hợp đồng kinh tế số 02/2018/HĐKT/CDC-DTD, gia công lại phần khung kéo thép đã bị sập trước đó, với nội dung: Công ty Thép C nhận gia công kết cấu thép (cột, kèo, giằng) nhà xưởng 66mx170m) công trình Waps Việt Nam, theo bản vẽ thiết kế thi công bên Công ty Đ cung cấp, Giá trị hợp đồng tạm tính là 4.863.381.600 đồng (bao gồm VAT), phương thức thanh toán theo Điều 5 của hợp đồng. Đến ngày 17/12/2018, Công ty C và Công ty Đ ký biên bản thanh lý hợp đồng số 02/2018/HĐKT/CDC-DTD, theo đó số tiền còn lại phải thanh toán là: 1.244.846.300 đồng. Công ty Đ đã thanh toán và xác nhận số tiền còn nợ lại theo hợp đồng kinh tế số 02/2018/HĐKT/CDC-DTD là: 24.846.300 đồng như nguyên đơn trình bày.

Ngày 14/11/2018, Công ty Đ và Công ty C ký tiếp Hợp đồng kinh tế số 03/2018/HĐKT/CDC-DTD để gia công cho dự án công trình Hong Sung Việt Nam tại Khu công nghiệp Sóng Thần 3, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, với nội dung hợp đồng: với nội dung Công ty Thép C nhận gia công kết cấu thép (cột, kèo, giằng) nhà xưởng 40mx59m) công trình Hong Sung Việt Nam, theo bản vẽ thiết kế thi công bên Công ty Đ cung cấp, Giá trị hợp đồng tạm tính là 1.129.709.900 đồng (bao gồm VAT), phương thức thanh toán theo Điều 5 của hợp đồng.

Công ty Đ xác nhận chưa thanh toán cho Công ty C số tiền 938.816.050 đồng theo hợp đồng kinh tế số 03/2018/HĐKT/CDC-DTD.

Trong quá trình giải quyết, Công ty Đ có đơn phản tố yêu cầu Công ty C thanh toán lại số tiền 225.750.000 đồng tương ứng với 70 cây xà gồ thép (khoảng 10.500 kg) mà Công ty C đã đưa vào sử dụng nhưng bị đơn đã từ bỏ yêu cầu phản tố.

Nay Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty Đ phải trả số tiền còn nợ và lãi suất 0,75%/tháng. Tổng cộng số tiền còn nợ và lãi chậm thanh toán của 02 hợp đồng là: $(24.846.300đ + 5.217.723đ) + (938.816.050đ + 190.110.250đ) = 1.158.990.323$ đồng (Một tỷ một trăm năm mươi tám triệu chín trăm chín mươi nghìn ba trăm hai ba đồng) thì bị đơn đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc của 02 hợp đồng là: $24.846.300đ + 938.816.050đ = 963.662.350$ đồng. Đối với số tiền lãi bị đơn yêu cầu tính từ ngày chốt biên bản xác nhận công nợ của 02 hợp đồng là ngày 27/6/2019, đồng thời xem xét căn trừ 70 cây xà gỗ thép (khoảng 10.500kg), tương đương với số tiền khoản 225.750.000 đồng mà Công ty thép C đã đưa vào sử dụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của những người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH MTV kết cấu thép C (sau đây gọi là công ty C), Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa nhận thấy: Việc công ty C khởi kiện yêu cầu công ty Đ thanh toán số tiền chưa thanh toán do thực hiện Hợp đồng số 02/2018/HĐKT/CDC-DTD ngày 17/8/2018 và hợp đồng số 03/2018/HĐKT/CDC-DTD ngày 14/11/2018 là: 963.662.350 đồng là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái với quy định pháp luật, được bị đơn là công ty Đ thừa nhận nên yêu cầu này của công ty C là có căn cứ để chấp nhận. Buộc công ty Đ phải thanh toán cho công ty C số tiền là 963.662.350 đồng.

Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Tại Điều 5 Hợp đồng số 02/2018/HĐKT/CDC-DTD và hợp đồng số 03/2018/HĐKT/CDC-DTD quy định: công ty Đ phải thanh toán cho công ty C trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn tất đầy đủ các thủ tục hồ sơ gồm: hóa đơn giá trị gia tăng, thanh lý hợp đồng, bản quyết toán. Như vậy, đối với việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng số 02/2018/HĐKT/CDC-DTD là 30 ngày kể từ ngày thanh lý hợp đồng (ngày 17/12/2018), kể từ ngày 17/02/2019, công ty Đ vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán. Đối với việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng số 03/2018/HĐKT/CDC-DTD là 30 ngày kể từ ngày thanh lý hợp đồng (ngày 24/01/2019), kể từ ngày 24/02/2019, công ty Đ vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán. Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty C, buộc công ty Đ phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng (Công thương, ngoại thương, ngân hàng nông nghiệp phát triển Việt Nam) tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả như nêu ở trên.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện theo ủy quyền của công ty C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất chậm thanh toán, theo đó, yêu cầu công ty Đ thanh toán tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 075%/1 tháng (tương đương 9%/1 năm).

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận xem xét, giải quyết. Việc công ty C yêu cầu công ty Đ thanh toán tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 075%/1 tháng (tương đương 9%/1 năm) là tự nguyện, là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận. Buộc công ty Đ phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả đã nêu trên với mức lãi suất 0,75%/1 tháng.

Căn cứ các Điều 542, 544, 545, 546, 547, 552 Bộ luật Dân sự 2015; 178, 179, 180, 181, 182, 183, 306 Luật Thương mại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của TNHH MTV kết cấu thép C, buộc công ty TNHH xây dựng Đ thanh toán số tiền 963.662.350 đồng và tiền lãi chậm thanh toán như đã phân tích ở trên.

Về án phí: bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục ủy quyền: Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn có văn bản ủy quyền cho ông Q và đại diện theo pháp luật của bị đơn có văn bản ủy quyền cho ông T làm người đại diện tham gia giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và bị đơn có mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Công ty TNHH MTV Kết cấu thép C khởi kiện Công ty TNHH Xây dựng Đ có trụ sở tại 66/16, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý giải quyết yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty Đ phải trả số tiền nợ còn lại và lãi suất của 02 hợp đồng gia công mà hai bên ký kết. Do đó, xác định quan hệ là “Tranh chấp hợp đồng gia công”

[4] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV kết cấu thép C, xét thấy:

Ngày 17/8/2018, ký hợp đồng kinh tế số 02/2018/HĐKT/CDC-DTD theo đó là Công ty C gia công kết cấu thép (cột, kèo, giằng) nhà xưởng 66m x 170m cho công trình WAPS VIET NAM. Thực hiện hợp đồng, đến ngày 17/12/2018, hai bên công ty ký biên bản thanh lý hợp đồng số 02/2018/HĐKT/CDC-DTD, theo đó Công ty Đ tiếp tục thanh toán cho Công ty C số tiền 1.244.846.300 đồng (một tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm đồng). Tính đến ngày 23/12/2019, Công ty Đ vẫn còn nợ Công ty C số tiền là 24.846.300 đồng (hai mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm đồng).

Ngày 14/11/2018, Công ty C và Công ty Đ ký hợp đồng kinh tế số 03/2018/HĐKT/CDC-DTD theo đó, Công ty C gia công kết cấu thép (cột, kèo, giằng) nhà xưởng 40m x 59m cho công trình HONG SUNG VIET NAM, giá trị hợp đồng 1.129.709.900 đồng (một tỷ một trăm hai mươi chín triệu bảy trăm lẻ chín nghìn chín trăm đồng). Ngày 24/01/2019, giữa hai công ty ký biên bản thanh lý hợp đồng số 03/2018/HĐKT/CDC-DTD, theo đó Công ty Đ tiếp tục thanh toán số tiền 938.816.050 đồng (chín trăm ba mươi tám triệu tám trăm mười sáu nghìn không trăm năm mươi đồng).

Công ty C đã xuất trình các chứng cứ như Hợp đồng kinh tế; Biên bản thanh lý hợp đồng, hoá đơn giá trị gia tăng, biên bản xác nhận công nợ ... Các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ, thể hiện việc bị đơn còn nợ của nguyên đơn theo 02 Hợp đồng số 02/2018/HĐKT/CDC-DTD ngày 17/8/2018 và hợp đồng số 03/2018/HĐKT/CDC-DTD ngày 14/11/2018 là: 963.662.350 đồng. Về phía đại diện của bị đơn cũng thừa nhận số tiền mà Công ty Đ còn nợ lại như nguyên đơn trình bày và đồng ý trả cho Công ty C số tiền là 963.662.350 đồng. Do đó ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Công ty Đ. Công ty TNHH Xây Dựng Đ có trách nhiệm thanh toán lại cho Công ty TNHH MTV kết cấu thép C số tiền còn nợ là 963.662.350 đồng (Sáu trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm năm mươi đồng).

- Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, Xét thấy: Tại Điều 5 Hợp đồng số 02/2018/HĐKT/CDC-DTD và hợp đồng số 03/2018/HĐKT/CDC-DTD quy định: Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty C trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn tất đầy đủ các thủ tục hồ sơ gồm: hóa đơn giá trị gia tăng, thanh lý hợp đồng, bản quyết toán. Như vậy, đối với việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng số 02/2018/HĐKT/CDC-DTD là 30 ngày kể từ ngày thanh lý hợp đồng (ngày 17/12/2018), kể từ ngày 17/02/2019, Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán. Đối với việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng số 03/2018/HĐKT/CDC-DTD là 30 ngày kể từ ngày thanh lý hợp đồng (ngày 24/01/2019), kể từ ngày 24/02/2019, Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán. Do đó việc đại diện bị đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày ký biên bản xác nhận công nợ ngày 27/6/2019 là không có cơ sở xem xét. Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty C, buộc công ty Đ phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng (Công thương, ngoại thương, ngân hàng nông nghiệp phát triển Việt Nam) tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả như nêu ở trên.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Công ty C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất chậm thanh toán, theo đó, yêu cầu Công ty Đ thanh toán tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 075%/ tháng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận xem xét, giải quyết. Việc Công ty C yêu cầu Công ty Đ thanh toán tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 075%/tháng là tự nguyện, là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận. Buộc Công ty TNHH Xây Dựng Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Kết cấu Thép C số tiền còn nợ và tiền lãi chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả đã nêu trên với mức lãi suất 0,75%/tháng, cụ thể:

- Hợp đồng số 02 ngày 17/8/2018: số tiền lãi tính từ ngày 17/01/2019 đến ngày xét xử 28/5/2021 (làm tròn 28 tháng) là: $(24.846.300 \times 0,75\% \times 28 \text{ tháng}) = 5.217.723$ đồng.

- Hợp đồng số 03 ngày 14/11/2018 là: số tiền lãi tính từ ngày 24/02/2019 đến ngày xét xử 28/5/2021 (làm tròn 27 tháng) là: $(938.816.050 \times 0,75\% \times 27 \text{ tháng}) = 190.110.250$ đồng.

Từ những nhận định trên. Buộc Công ty TNHH Xây Dựng Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Kết cấu Thép C số tiền còn nợ và lãi suất chậm thanh toán là của 02 hợp đồng nói trên là: $(24.846.300đ + 5.217.723đ) + (938.816.050đ + 190.110.250đ) = 1.158.990.323$ đồng (Một tỷ một trăm năm mươi tám triệu chín trăm chín mươi nghìn ba trăm hai ba đồng)

Ngày 18/8/2020, Công ty Đ có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu Công ty C thanh toán lại số tiền 225.750.000 đồng tương ứng với 70 cây xà gồ thép (khoảng 10.500 kg) mà Công ty C đã đưa vào sử dụng tuy nhiên bị đơn đã không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên Tòa án đã ra Thông báo trả lại đơn phản tố.

[5] Về án phí: Công ty TNHH Xây dựng Đ phải chịu án phí có giá ngạch là: 46.769.709 đồng (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm lẻ chín đồng).

Trả lại cho Công ty TNHH MTV Kết cấu thép C 21.843.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0008358 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tương đối phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 220, 228, 266, 271, 273 của *Bộ luật tố tụng dân sự*.

- Áp dụng *các* Điều 542, 544, 545, 546, 547, 552 Bộ luật Dân sự 2015; Các Điều 178, 179, 180, 181, 182, 183, 306 Luật Thương mại; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Kết cấu thép C, về việc “Tranh chấp hợp đồng gia công” đối với Công ty TNHH Xây dựng Đ.

Buộc Công ty TNHH Xây Dựng Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Kết cấu Thép C số tiền 1.158.990.323 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi tám triệu chín trăm chín mươi nghìn ba trăm hai ba đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trööông hõip baùn àùn, quyềát ñònh ñõõic thi haønh theo quy ñònh tại Ñieàu 2 Luaät Thi haønh àùn daân sõi thì ngôõõic ñõõic thi haønh àùn daân sõi, ngôõõic phaûi thi haønh àùn daân sõi coù quyềàn thoûa thuaän thi haønh àùn, quyềàn yeâu caàu thi haønh àùn, töï nguyềän thi haønh àùn hoaëc bò cööõõng cheá thi haønh àùn theo quy ñònh tại caùc Ñieàu 6, 7 vaø 9 Luaät Thi haønh àùn daân sõi; thôõic hieäu thi haønh àùn ñõõic thôõic hieän theo quy ñònh tại Ñieàu 30 Luaät Thi haønh àùn daân sõi.

2. Về àùn phí: Công ty TNHH Xây dựng Đ phải chịu án phí có giá ngạch là: 46.769.709 đồng (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm lẻ chín đồng).

Trả lại cho Công ty TNHH MTV Kết cấu thép C 21.843.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0008358 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn, bị đơn *coù quyềàn khaùng cao trong thôõic haïn 15 ngaøy tính töø ngaøy tuyeân àùn.*

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.Biên Hòa;
- THA Biên Hòa;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Hạnh

TÒA	CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
------------	------------------------------	----------------------------------

